



SỰ TRỖI DẬY CỦA CHỦ NGHĨA CHUYÊN CHẾ CẠNH TRANH

Nguồn: Steven Levitsky & Lucan A. Way (2002). "Elections Without Democracy: The Rise of Competitive Authoritarianism", *Journal of Democracy*, Vol. 13, No. 2, pp. 51-65.

Biên dịch: Nguyễn Thị Tố Uyên | **Hiệu đính:** Nghiêm Hồng Sơn

Thế giới hậu Chiến tranh Lạnh được đánh dấu bởi sự sinh sôi nảy nở của các chế độ chính trị lai. Trong suốt thập niên 1990, bằng những cách khác nhau và ở những mức độ khác nhau, các chính thể ở hầu khắp châu Phi (Ghana, Kenya, Mozambique, Zambia, Zimbabwe), Đại lục Âu Á hậu cộng sản (Albania, Croatia, Nga, Serbia, Ucraina), châu Á (Malaysia, Đài Loan) và châu Mỹ Latinh (Haiti, Mexico, Paraguay, Peru) đã kết hợp các nguyên tắc dân chủ với sự cai trị chuyên chế. Các học giả thường nhìn nhận những chế độ này như là những hình thức không hoàn chỉnh hay đang chuyển đổi của dân chủ. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp những nhận định (hay hy vọng) này hóa ra lại lạc quan thái quá. Đặc biệt ở châu Phi và Liên Xô cũ, nhiều chế độ hoặc duy trì dạng lai hoặc chuyển sang hướng chuyên chế. Vì vậy, có thể đã đến lúc chúng ta thôi nghĩ đến những chuyển đổi sang dân chủ của các trường hợp này và bắt đầu suy nghĩ xem thực sự chúng là những loại chế độ đặc trưng nào.

Trong những năm gần đây, nhiều học giả đã chỉ ra tầm quan trọng của các chế độ lai. Thật vậy, các bài viết học thuật gần đây đã đưa ra nhiều cách gọi khác nhau cho các trường hợp pha trộn, bao gồm trong đó không chỉ có "chế độ lai" mà còn "bán dân chủ", "dân chủ ảo", "dân chủ bầu cử", "dân chủ giả tạo", "dân chủ phi tự do", "chủ nghĩa bán chuyên chế", "chủ nghĩa chuyên chế mềm", "chủ nghĩa chuyên chế tuyển cử", và "Tự do Một phần"¹ của Tổ chức Ngôi nhà Tự do (Free House). Tuy nhiên phần nhiều các bài tài liệu này mắc phải hai điểm yếu quan

trọng. Đầu tiên, đặc trưng của nhiều nghiên cứu là khuynh hướng thiên lệch về việc dân chủ hóa. Các nghiên cứu thường xem những chế độ pha trộn như những hình thức một phần hay “thu nhỏ” của dân chủ,² hoặc đang trải qua những chuyển đổi kéo dài sang dân chủ. Những đặc trưng như vậy hàm ý rằng những trường hợp này đang chuyển sang chiều hướng dân chủ. Tuy nhiên, cả Jeffrey Herbst và Thomas Carothers gần đây đã lập luận rằng điều này thường không đúng.³ Mặc dù một vài chế độ lai (Mexico, Senegal, Đài Loan) trong thập niên 1990 đã trải qua những chuyển đổi dân chủ, một số khác (Azerbaijan, Belarus) thì dứt khoát chuyển sang hướng chuyên chế. Vẫn còn một số khác hoặc duy trì ổn định hoặc chuyển sang những hướng đa dạng (Malaysia, Nga, Ucraina, Zambia, Zimbabwe), khiến những hàm ý đơn hướng của từ “chuyển đổi” bị sai lệch.

Thứ hai, những thuật ngữ như “bán dân chủ”, “bán chuyên chế”, và “Tự do Một phần” thường được xếp như những nhóm chế độ còn lại và thường bỏ qua những khác biệt quan trọng giữa những chế độ này. Ví dụ, El Salvador, Latvia và Ucraina là những chế độ lai trong đầu thập niên 1990 và đều đạt sáu điểm - hay “Tự do Một phần” - từ đánh giá về quyền chính trị và các quyền tự do dân chủ của tổ chức Ngôi nhà Tự do vào năm 1992-1993. Tuy nhiên những chế độ này khác nhau về nhiều phương diện cơ bản. Trong khi ở Latvia đặc trưng phi dân chủ quan trọng nhất là việc người gốc Nga không có quyền công dân, ở El Salvador các đặc trưng phi dân chủ chính bao gồm những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng và không có sự kiểm soát của chính quyền dân sự đối với quân đội. Ucraina thực thi quyền công dân tới toàn dân và đặt quân đội dưới sự kiểm soát của chính quyền dân sự, nhưng các quyền tự do dân chủ thường xuyên bị vi phạm và giới quan chức thường xuyên lạm dụng hoặc thao túng các thủ tục dân chủ. Do đó, mặc dù mỗi chế độ trong các trường hợp này có thể được phân loại thành “lai”, “bán dân chủ”, hay “tự do một phần”, những cách gọi như vậy gây mơ hồ về những điểm khác nhau cốt yếu – những điểm khác nhau có thể có những hàm ý nhân quả quan trọng. Sự pha trộn khác nhau giữa các đặc tính chuyên chế và dân chủ có những nguồn gốc lịch sử khác nhau và có tác động khác nhau về phát triển kinh tế, nhân quyền và các triển vọng dân chủ.

Định nghĩa Chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh

Bài viết này xem xét một thể loại đặc thù của chế độ “lai”: *Chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh (competitive authoritarianism)*. Trong những chế độ chuyên chế cạnh tranh, những thể chế dân chủ chính thức thường được xem như phương tiện chủ yếu để đạt được và thực thi quyền lực chính trị. Tuy nhiên, các quan chức thường

xuân vi phạm luật lệ và trong một chừng mực nào đó, chế độ này không thể đáp ứng những tiêu chuẩn dân chủ tối thiểu. Điển hình như Croatia dưới thời Franjo Tudjman, Serbia dưới thời Slobodan Milošević, Nga dưới thời Vladimir Putin, Ukraina dưới thời Leonid Kravchuk và Leonid Kuchma, Peru dưới thời Alberto Fujimori, và Haiti sau năm 1995, cũng như Albania, Armenia, Ghana, Kenya, Malaysia, Mexico, và Zambia trong hầu hết thập niên 1990. Mặc dù các học giả đã đánh giá đa số các chế độ này mang đặc trưng giống như những hình thức một phần hay “thu nhỏ” của nền dân chủ, chúng tôi tán thành với nhận định của Juan Linz rằng những chế độ này đúng hơn nên được xem như một hình thức (thu nhỏ) của chế độ chuyên chế.⁴

Cần phân định rành ròi giữa chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh với một bên là dân chủ và bên kia là chủ nghĩa chuyên chế hoàn toàn. Các chế độ dân chủ hiện đại đều phải đáp ứng bốn tiêu chuẩn tối thiểu:

1) Các quan chức hành pháp và lập pháp được lựa chọn thông qua các cuộc bầu cử công khai, tự do và công bằng;

2) Tất cả công dân trưởng thành đều có quyền bầu cử thực sự;

3) Các quyền chính trị và quyền tự do dân chủ bao gồm quyền tự do báo chí, tự do lập hội và tự do phê bình chính phủ mà không bị trả đũa phải được bảo vệ rộng rãi; và

4) các nhà cầm quyền được bầu ra có thẩm quyền thực sự để điều hành mà không chịu sự kiểm soát của quân đội hay các thủ lĩnh tôn giáo.⁵

Mặc dù đôi lúc thậm chí các chế độ dân chủ hoàn toàn cũng vi phạm một hay nhiều tiêu chuẩn này, nhưng các vi phạm như vậy chưa đủ bao quát và mang tính hệ thống để cản trở nghiêm trọng những thử thách dân chủ đối với chính phủ cầm quyền. Nói cách khác, các vi phạm này về cơ bản không làm thay đổi sâu chơi giữa chính phủ và phe đối lập.⁶

Ngược lại, trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh, những tiêu chí này bị vi phạm thường xuyên và nghiêm trọng đủ để tạo ra một sân chơi bất bình đẳng giữa chính phủ và phe đối lập. Mặc dầu các cuộc bầu cử được tổ chức có quy củ và nhìn chung không có gian lận nghiêm trọng, các quan chức tại vị thường lạm dụng các nguồn lực nhà nước, ngăn cản quyền được truyền thông đưa tin đầy đủ của phe đối lập, sách nhiễu các ứng viên đối lập và những người ủng hộ họ, và trong một số trường hợp thao túng cả kết quả bầu cử. Các nhà báo, chính trị gia đối lập và các nhà phê bình chính phủ có thể bị theo dõi, đe dọa, quấy rối hay bắt giữ. Các thành viên của phe đối lập có thể bị bỏ tù, đày đi lưu vong hoặc đôi khi thậm chí bị

tấn công hoặc sát hại. Các chế độ có những hành vi tàn bạo như vậy không thể được gọi là dân chủ.

Do đó chúng ta phải phân biệt rạch ròi giữa chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh và các loại chế độ bất ổn định, không hiệu quả hoặc sai lạc nhưng đáp ứng những tiêu chuẩn cơ bản của dân chủ, và cái này cũng bao hàm những chế độ mà Guillermo O'Donnell gọi là "những nền dân chủ ủy nhiệm" (delegative democracies).⁷ Theo Guillermo O'Donnell, những nền dân chủ ủy nhiệm đặc trưng bởi trách nhiệm giải trình theo chiều ngang (kiểm chế và đối trọng) ở những mức độ thấp và chính vì vậy lộ diện những quan chức hành pháp quyền lực, có uy tín áp đảo và thường xuyên lạm quyền. Tuy nhiên những chế độ như vậy lại đáp ứng những tiêu chuẩn tối thiểu cho nền dân chủ. Vì vậy dân chủ ủy nhiệm phù hợp với các trường hợp như Argentina và Brazil trong đầu thập niên 1990 nhưng không đúng đối với trường hợp của Peru sau cuộc "tự đảo chính" của tổng thống Fujimori năm 1992.

Tuy nhiên, nếu các chế độ chuyên chế cạnh tranh không hội đủ tiêu chuẩn để được xếp vào dân chủ thì các chế độ này cũng không đủ các yếu tố để được xếp vào chủ nghĩa chuyên chế hoàn toàn. Mặc dù các quan chức trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh thường có thể thao túng những nguyên tắc dân chủ chính thức, họ lại không thể loại bỏ hay giảm thiểu chúng xuống tới mức chỉ mang tính hình thức. Thay vì công khai vi phạm các nguyên tắc dân chủ (ví dụ như ngăn cấm hay đàn áp phe đối lập và truyền thông), các quan chức nhiều khả năng sử dụng mua chuộc, thu nạp, và các hình thức khủng bố tinh vi hơn như lợi dụng các cơ quan thuế, các tòa án bù nhìn, và các cơ quan nhà nước khác để "hợp pháp" sách nhiễu, bắt bớ, hay ép buộc hợp tác từ giới phê bình. Mặc dù lợi thế nghiêng về phía các quan chức chuyên quyền, thì sự kiên trì bền bỉ của các thể chế dân chủ quan trọng tạo ra những vũ đài mà thông qua đó các lực lượng đối lập có thể hay và thực sự tạo ra những thách thức quan trọng. Vì vậy, mặc dù có thể các thể chế dân chủ bị khiếm khuyết nặng nề, cả các quan chức chuyên chế và các phe đối lập đều cần phải xem trọng chúng.

Theo cách hiểu này, chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh khác hẳn với cái được gọi là các chế độ tuyển cử "hình thức" – những chế độ mà trong đó các thể chế tuyển cử tồn tại nhưng không tạo ra cuộc cạnh tranh quyền lực mang ý nghĩa nào cả (chẳng hạn như ở Ai Cập, Singapore và Uzbekistan trong những năm 1990). Các chế độ dạng này được gọi là các chế độ "dân chủ giả tạo", "dân chủ ảo", và "chuyên chế tuyển cử". Theo quan điểm của chúng tôi, đây là các trường hợp của chủ nghĩa chuyên chế hoàn toàn.⁸ Có thể rất khó để vẽ ra ranh giới giữa chế độ loại

này và chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh và có thể một ngày nào đó những thể chế tuyển cử phi cạnh tranh sẽ trở thành cạnh tranh (như trường hợp xảy ra ở Mexico). Tuy nhiên, cần thiết phải phân biệt giữa các chế độ mà trong đó các thể chế dân chủ cung cấp một kênh quan trọng qua đó phe đối lập có thể tìm kiếm quyền lực với những chế độ khác mà trong đó các nguyên tắc dân chủ chỉ đơn thuần phục vụ cho mục tiêu hợp pháp hóa một bộ máy lãnh đạo chuyên quyền hiện có.

Cuối cùng, chúng ta phải phân biệt giữa chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh với các loại chế độ lai khác. Các chế độ có thể pha trộn những đặc tính chuyên chế và dân chủ theo nhiều cách khác nhau, và chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh không nên được xem như bao hàm tất cả các đặc tính của những thể loại chế độ này. Các chế độ lai khác gồm có “các nền cộng hòa độc quyền”⁹ (những chế độ với các thể chế dân chủ mạnh nhưng hết sức hạn chế các luật công dân) và các nền dân chủ “được bảo hộ” hay “bị dẫn dắt” – những chế độ cạnh tranh trong đó các chủ thể phi dân chủ như quân đội hay các giới chức tôn giáo nắm giữ quyền phủ quyết.

Bốn vũ đài của đấu tranh dân chủ

Nhờ vào sự kiên trì của các thể chế dân chủ đúng nghĩa trong chế độ chuyên chế cạnh tranh, các vũ đài đấu tranh vẫn tồn tại, thông qua những vũ đài này các lực lượng đối lập có thể thường xuyên thách thức, làm suy yếu, và thậm chí đôi lúc đánh bại các quan chức chuyên quyền. Bốn vũ đài với tầm quan trọng riêng đặc biệt là: 1) vũ đài tuyển cử; 2) cơ quan lập pháp; 3) cơ quan tư pháp; và 4) truyền thông.

Vũ đài tuyển cử

Vũ đài đấu tranh đầu tiên và quan trọng nhất là vũ đài tuyển cử. Trong các chế độ chuyên chế, các cuộc bầu cử hoặc không tồn tại hoặc không thực sự có sự cạnh tranh. Cạnh tranh tuyển cử bị loại bỏ hoặc về mặt pháp lý như ở Cuba và Trung Quốc, hoặc trên thực tế như ở Kazakhtan và Uzbekistan. Trong trường hợp sau, các đảng đối lập thường bị cấm hoặc ngăn chặn tham gia vào cuộc cạnh tranh bầu cử, và các lãnh đạo phe đối lập thường bị bỏ tù. Các nhà quan sát độc lập hay bên ngoài bị ngăn cản việc xác minh kết quả thông qua các cuộc đếm phiếu song song, điều này tạo ra những cơ hội đánh cắp phiếu bầu trên diện rộng. Do đó, các lực lượng đối lập không thể tạo ra một mối đe dọa tuyển cử nghiêm trọng cho các quan chức tại vị, và các cuộc bầu cử, xét trên mọi góc độ, là phi cạnh tranh. Chính vì vậy mà tổng thống Kazakhstan ông Nursultan Nazarbayev đã tái đắc cử vào năm

1999 với 80% phiếu bầu và ở Uzbekistan vào năm 2000 tổng thống Islam Karimov tái đắc cử với 92% phiếu bầu. (Ước tính, những chế độ mà trong đó tổng thống tái đắc cử với hơn 70 phần trăm số phiếu nhìn chung được xem là phi cạnh tranh). Trong các trường hợp này, cái chết hay cuộc lật đổ đầy bạo lực của vị tổng thống đó thường được nhìn nhận như một phương thức kế vị khả dĩ hơn so với chờ ông ta thất bại trong bầu cử.

Ngược lại, trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh các cuộc bầu cử thường diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt. Mặc dù quá trình tuyển cử có thể được đặc trưng bởi sự lạm quyền trên diện rộng, truyền thông thiên lệch, sách nhiễu các ứng viên đối lập và các nhà hoạt động¹⁰ (thường đầy bạo lực) và nhìn chung thiếu minh bạch, các cuộc bầu cử vẫn được tổ chức có quy củ, cạnh tranh (trong đó các đảng đối lập lớn và ứng viên của họ thường tham gia), và thông thường không có gian lận nghiêm trọng. Trong nhiều trường hợp, sự hiện diện của giới quan sát quốc tế hay sự hiện hữu của các thủ tục đếm phiếu song song hạn chế giới quan chức tham gia mưu đồ gian lận trên diện rộng. Do đó, các cuộc bầu cử có thể tạo ra những bất ngờ đáng kể, và giới quan chức chuyên quyền buộc phải xem trọng chúng. Chẳng hạn như vào năm 1996 tổng thống Nga Boris Yeltsin và năm 1999 tổng thống Ucraina Leonid Kuchma đã phải đối mặt với những thách thức tuyển cử từ các đảng từng là đảng cộng sản trước đây. Mặc dù bằng nhiều nỗ lực để hãm dọa tổng tiền và những chiêu trò khác nhằm đảm bảo số phiếu,¹¹ Kuchma thắng cử với chỉ 35% số phiếu bầu trong vòng bầu cử tổng thống đầu tiên năm 1999 và 56% trong vòng thứ 2. Ở Kenya, nhà cầm quyền độc tài lâu đời Daniel arap Moi đã tái đắc cử với số phiếu sát sao vào năm 1992 và 1997, và ở Zimbabwe phe đối lập Phong trào vì Đổi thay Dân chủ (Movement for Democratic Change) suýt giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử nghị viện. Trong một vài trường hợp, các lực lượng đối lập đã thành công trong việc đánh bại các quan chức chuyên quyền hoặc các ứng viên sáng giá của chúng, đơn cử như trường hợp xảy ra ở Nicaragua năm 1990, Zambia năm 1991, Malawi và Ucraina năm 1994, Albania năm 1997 và tại Ghana năm 2000.

Mặc dù giới quan chức có thể thao túng các kết quả bầu cử nhưng điều này thường khiến họ chịu tổn thất nặng nề và thậm chí có thể bị đánh bại. Chẳng hạn, ở Peru Fujimori tái đắc cử vào năm 2000 nhưng liền bị buộc phải từ chức trong vụ bê bối vài tháng sau đó. Tương tự, những nỗ lực của Milošević nhằm làm sai lệch kết quả bầu cử năm 2000 ở Serbia đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng chế độ và loại bỏ tổng thống. Các cuộc khủng hoảng chế độ nổ ra do gian lận bầu cử cũng diễn ra ở Mexico năm 1988 và Acmenia năm 1996.

Vũ đài lập pháp

Vũ đài đấu tranh thứ hai là cơ quan lập pháp. Trong hầu hết các chế độ chuyên chế hoàn toàn, các cơ quan lập pháp hoặc không tồn tại hoặc bị đảng cầm quyền kiểm soát triệt để đến nỗi mâu thuẫn giữa nhánh hành pháp và lập pháp là điều gần như không tưởng. Trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh, các cơ quan lập pháp có xu hướng tương đối yếu nhưng đôi lúc chúng trở thành những tâm điểm của hoạt động đối lập. Điều này đặc biệt có thể xảy ra trong các trường hợp mà các quan chức không thuộc các đảng chính và mạnh. Ví dụ như ở Ucraina và Nga trong thập niên 1990, các tổng thống đều phải đương đầu với các nghị viện ngoan cố thống trị bởi các đảng cộng sản cũ và các đảng cánh tả. Nghị viện Ucraina nhiều lần chặn đứng hoặc làm suy yếu các đạo luật cải cách kinh tế do tổng thống Kuchma đề xuất và năm 2000 – 2001, mặc cho Kuchma đe dọa dùng những biện pháp “thích đáng” nếu không nhận được sự hợp tác, nghị viện vẫn chặn đứng nỗ lực kêu gọi một cuộc trưng cầu dân ý của tổng thống nhằm làm suy giảm quyền lực của cơ quan lập pháp này. Dù cho các quan chức cố gắng để vây hãm hay thậm chí đóng cửa nghị viện (như ở Peru năm 1992 và Nga năm 1993), những hành động như vậy thường phải trả giá rất đắt, đặc biệt là trên trường quốc tế. Chính vì vậy cả Fujimori và Yeltsin đều tổ chức các cuộc bầu cử nghị viện mới trong thời gian ba năm “tự đảo chính” của hai người và Yeltsin tiếp tục gặp phải sự đối đầu từ nghị viện hậu đảo chính năm 1993.

Thậm chí ở những nơi mà các quan chức hành chính đương nhiệm chiếm đa số ghế trong nghị viện, các lực lượng đối lập có thể dùng cơ quan lập pháp này như một nơi gặp gỡ và tổ chức và (trong trường hợp có truyền thông độc lập) như một diễn đàn công khai để lên án chế độ. Ở Peru, mặc dù các đảng đối lập chỉ tạo ảnh hưởng nhỏ lên quá trình lập pháp từ giữa năm 1995 đến 2000, các nhà lập pháp chống đối Fujimori đã dùng nghị viện (và hoạt động đưa tin báo chí của nó) như một nơi để nói lên các quan điểm của mình. Tháng 11 năm 2000 ở Ucraina, phó thủ lĩnh phe đối lập là Aleksandr Mozoz đã dùng nghị viện để cáo buộc tổng thống về tội giết người và phát tán những cuộn băng tố giác tổng thống cho báo chí.

Vũ đài tư pháp

Vũ đài thứ ba đầy tiềm năng của cuộc đối đầu chính là cơ quan tư pháp. Chính phủ trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh luôn tìm mọi cách để hạ thấp vai trò của bộ máy tư pháp, thường bằng cách luận tội hoặc tinh vi hơn qua con đường mua chuộc, tổng tiền và các cơ chế thu nạp khác. Đơn cử như ở Peru, rất nhiều thẩm phán – bao gồm một vài thẩm phán tòa án tối cao – có liên quan mật thiết vào

mạng lưới bảo kê thân hữu, tham nhũng và tổng tiền được xây dựng bởi người đứng đầu cơ quan tình báo của Fujimori là Vladimiro Montesinos. Tại Nga, khi Tòa Bảo Hiến tuyên bố sắc lệnh giải tán quốc hội năm 1993 của Yeltsin là trái hiến pháp, Yeltsin đã cắt các đường dây điện thoại và dẹp bỏ lính gác của cơ quan này. Trong một số trường hợp, các chính phủ phải sử dụng đến đe dọa và bạo lực. Ở Zimbabwe, sau khi Tòa án Tối cao phán quyết việc chiếm đóng đất trồng của người da trắng – một phần trong chính sách tái phân phối đất đai của chính phủ Mugabe – là bất hợp pháp, các thẩm phán độc lập đã phải nhận một làn sóng đe dọa bạo lực từ phía “cựu chiến binh” ủng hộ chính phủ. Năm 2001 bốn vị thẩm phán, trong đó có Chánh án Anthony Gubbay, đã quyết định về hưu sớm và được thay bằng các thẩm phán thân chính phủ.

Tuy nhiên sự kết hợp giữa độc lập tư pháp chính thức và sự kiểm soát không hoàn toàn của cơ quan hành pháp có thể đem đến cho các thẩm phán tự do một cơ hội tốt. Ví dụ như ở Ucraina, Tòa Bảo Hiến đã chỉ rõ rằng cuộc trưng cầu dân ý của tổng thống Kuchma nhằm làm giảm quyền lực của cơ quan lập pháp là không có tính ràng buộc. Tại Slovakia, Tòa Bảo Hiến đã chặn đứng việc chính phủ Vladimír Meciar phủ nhận các ghế trong nghị viện của phe đối lập vào năm 1996. Các tòa án cũng đã bảo vệ giới truyền thông và phe đối lập tránh khỏi khủng bố nhà nước. Tại Croatia, các tòa án hằng tuần tha bổng một thành viên phe đối lập đã bị kết án vì tố cáo sai tổng thống Tudiman là người sùng bái nhà độc tài Francisco Franco của Tây Ban Nha. Tương tự, ở Malaysia năm 2001, một thẩm phán Tòa án Tối cao đã thả hai người chống đối bị bắt giam căn cứ theo Đạo luật An ninh Trong nước của chế độ và chất vấn công khai sự cần thiết của đạo luật hà khắc đó.¹²

Các chính phủ chuyên chế cạnh tranh có thể ngay sau đó trừng phạt các thẩm phán ra phán quyết chống lại chính phủ, tuy nhiên những hành động chống lại cơ quan tư pháp độc lập chính thức như vậy sẽ gây những tổn thất lớn về tính hợp pháp ở trong nước và quốc tế. Ví dụ, năm 1997 ở Peru Quốc hội thân Fujimori đã sa thải ba thành viên của Tòa án Hiến pháp sau khi những quan chức này cố gắng chặn đứng việc làm vi hiến nhằm tái đắc cử tổng thống nhiệm kỳ thứ ba của Fujimori. Tuy nhiên, động thái đó đã vấp phải sự chỉ trích nặng nề trong và ngoài nước, và vụ việc này vẫn còn là một cái gai trong mắt chế độ cho đến tận cuối thập niên.

Phương tiện truyền thông

Cuối cùng, truyền thông thường là tâm điểm tranh đấu trong các chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh. Trong hầu hết các chế độ chuyên quyền lớn mạnh, truyền thông

hoàn toàn thuộc sở hữu nhà nước, bị kiểm duyệt nặng nề và bị trấn áp có hệ thống. Các đài phát thanh và truyền hình hàng đầu bị chính phủ (hoặc các đồng minh thân chính phủ) kiểm soát và các tờ báo và tạp chí lớn hoặc bị cấm theo luật (như ở Cuba) hoặc trên thực tế bị loại bỏ (như ở Uzbekistan và Turkmenistan). Các nhà báo kích động sự nổi giận của chính phủ có nguy cơ bị bắt giữ, trục xuất và thậm chí bị sát hại. Trái lại, trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh các hãng truyền thông độc lập không những hợp pháp mà còn có ảnh hưởng khá lớn và các nhà báo - mặc dù thường xuyên bị đe dọa và đôi lúc bị tấn công- nổi lên như lực lượng quan trọng của phe đối lập. Ví dụ như ở Peru, các tờ báo độc lập như *La República* và *El Comercio* và các tạp chí hàng tuần như *Sí and Caretas* hoạt động tự do trong suốt thập niên 1990. Tại Ucraina, các tờ báo như *Zerkalo nedeli*, *Den* và gần đây nhất là *Vicherni visti* giữ vai trò như những luồng quan điểm độc lập về chính phủ Kuchma.

Các hãng truyền thông độc lập thường đóng vai trò như một lực lượng kiểm sát trọng yếu bằng việc điều tra và phơi bày sai phạm của chính phủ. Truyền thông Peru đã phơi bày hàng loạt các vụ lạm quyền của chính phủ, gồm có vụ thảm sát sinh viên đại học La Cantuta năm 1992 và vụ giả mạo các chữ ký cần thiết để đảng của Fujimori đủ điều kiện cho các cuộc bầu cử năm 2000. Ở Nga, hãng truyền hình độc lập của Vladimir Gusinsky là một nguồn phê phán chính phủ Yeltsin quan trọng, đặc biệt liên quan đến những các hoạt động của chính phủ này ở Chechnya. Ở Zimbabwe, tờ *Daily News* giữ vai trò trọng yếu trong việc phơi bày các vụ lạm quyền của chính quyền Mugabe. Các hãng truyền thông còn có thể giữ vai trò như phát ngôn viên cho các lực lượng đối lập. Ở Serbia, đài truyền thanh Belgrade B-92 có chức năng như một trung tâm chủ chốt của phe đối lập chống lại Milošević trong nửa sau thập niên 1990. Các tờ báo cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cổ vũ các lực lượng đối lập ở Panama và Nicaragua vào cuối thập niên 1980.

Trong các chế độ chuyên chế cạnh tranh các quan chức hành pháp thường tích cực ra tay đàn áp giới truyền thông độc lập, sử dụng các cơ chế đàn áp tinh vi hơn các người đồng nhiệm trong các chế độ chuyên chế. Các phương thức này bao gồm đưa hối lộ, phân bổ chọn lọc hoạt động quảng cáo nhà nước, thao túng các khoản nợ và thuế mà các hãng truyền thông phải trả, kích động mâu thuẫn giữa các cổ đông và các quy định luật báo chí hạn chế tạo điều kiện thuận lợi để buộc tội các ký giả độc lập và các ký giả phe đối lập. Ở Nga, chính phủ lợi dụng các khoản nợ của đài truyền hình độc lập với Gazprom- tập đoàn khí đốt trọng yếu- để giúp các lực lượng thân chính phủ sắp đặt một âm mưu thôn tính. Ở Peru, chính phủ Fujimori trên thực tế nắm quyền kiểm soát tất cả các đài truyền hình tư nhân trên cả nước dựa trên sự kết hợp giữa hối lộ và các trò bịp hợp pháp, ví dụ như

lệnh vô hiệu hóa quyền công dân của ông chủ đài Channel 2 Baruch Ivcher. Các chính phủ còn tận dụng triệt để các điều luật về tội bôi nhọ để sách nhiễu hay truy tố “hợp pháp” các tờ báo độc lập. Chẳng hạn như ở Ghana, chính phủ Jerry Rawling đã sử dụng luật chống bôi nhọ người khác từ thời kỳ thuộc địa để bắt giam một số biên tập viên và ký giả trong thập niên 1990, và ở Croatia, theo báo cáo năm 1997 của Viện Xã Hội Mở thì các tờ báo độc lập lớn đã 230 lần bị truy tố về tội bôi nhọ. Tương tự, chính phủ Armenia đã lợi dụng các vụ truy tố về tội bôi nhọ để làm lắng xuống chỉ trích từ phía báo chí sau cuộc bầu cử đầy tranh cãi của nước này năm 1996.¹³

Tuy vậy những nỗ lực để đàn áp truyền thông có thể khiến giới quan chức trong các chế độ chuyên chế hao tổn không ít. Ví dụ, vào năm 1996 khi chính phủ Tudjman ở Croatia cố gắng thu hồi giấy phép của kênh truyền thanh Radio 101, một đài truyền thanh độc lập phổ biến ở thủ đô, làn sóng phản đối nổ ra mạnh mẽ khiến phe đối lập vững mạnh thêm và tạm thời gây chia rẽ đảng cầm quyền. Năm 2000 tại Ucraina, những cáo buộc cho rằng tổng thống Kuchma đã cố gắng sát hại một phóng viên phe đối lập đã dẫn đến làn sóng phản đối trong nước và sự cô lập một phần từ phương Tây. Ở Peru, hành vi truy tố và đẩy Ivcher đi lưu vong đã làm dấy lên sự phản đối mạnh mẽ trong nước và trở thành tâm điểm chỉ trích ở ngoài nước.

Những căng thẳng cố hữu

Các chính phủ chuyên chế có thể cùng tồn tại vĩnh viễn với các thể chế dân chủ đúng nghĩa. Miễn là các quan chức tránh lạm quyền quá đà (và bị dư luận phát giác rộng rãi) và không hủy bầu cử hay công khai cướp phiếu bầu thì những mâu thuẫn vốn có trong chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh có thể kiểm soát được. Bằng cách tiến hành hối lộ, thu nạp và những dạng khủng bố “hợp pháp” khác, các chính phủ có thể hạn chế những thách thức từ phe đối lập mà không làm dấy lên làn sóng phản đối và bị quốc tế tẩy chay.

Tuy nhiên việc cùng tồn tại giữa các luật lệ dân chủ và các biện pháp chuyên quyền nhằm giúp giới quan chức nắm giữ quyền lực lại tạo ra một nguồn bất ổn cố hữu. Sự hiện hữu của các cuộc bầu cử, các cơ quan lập pháp, các tòa án và một cơ quan truyền thông đại chúng độc lập tạo ra những cơ hội thách thức thường xuyên cho các lực lượng đối lập. Những thách thức như vậy tạo ra tình thế lưỡng nan thực sự cho các quan chức tại vị. Một mặt, việc đàn áp phe đối lập rất tốn kém, phần lớn do các thách thức có xu hướng vừa hợp pháp về hình thức và được công nhận rộng rãi (trong nước và quốc tế) là hợp pháp. Mặt khác các quan chức có thể mất quyền lực nếu để các thách thức dân chủ cứ thế mạnh lên.¹⁴ Vì vậy mà những thời điểm

cạnh tranh dân chủ khốc liệt đã tạo ra những mâu thuẫn cố hữu trong chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh, đẩy các lãnh đạo chuyên quyền phải chọn lựa giữa việc vi phạm trầm trọng các luật lệ dân chủ với cái giá là bị cộng đồng quốc tế cô lập và gây nên các mâu thuẫn trong nước, và việc để cho các thách thức tiếp diễn với nguy cơ có thể bị đánh bại. Kết quả thường là khủng hoảng chính trị nào đó, như đã diễn ra ở Mexico năm 1988; Nicaragua năm 1990; Zambia năm 1991; Nga năm 1993; Armenia năm 1996; Albania năm 1997; Ghana, Peru, Serbia và Ucraina vào năm 2000, và tái diễn ở Zambia năm 2001. Một cuộc khủng hoảng tương tự có vẻ có thể xảy ra ở Zimbabwe xung quanh cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 3 năm 2002.

Trong một số trường hợp, như của Kenya, Malaysia và Ucraina, các lãnh đạo chuyên quyền đã vượt qua khủng hoảng. Ở một vài trong số các nước này, chế độ thẳng tay đàn áp và truy quét triệt để. Một số trường hợp khác như Nicaragua năm 1990, Zambia năm 1991, Ghana và Mexico năm 2000, các chính phủ chuyên chế cạnh tranh không thể trấn áp và mất quyền lực. Trong một số trường hợp còn lại khác, gồm Peru và Serbia, các nhà chuyên quyền cố gắng để trấn áp nhưng khi tiến hành thì bị suy yếu nặng yếu và cuối cùng bị sụp đổ.

Thế nhưng việc thay thế chính quyền chuyên chế không đồng nghĩa với sự dân chủ hóa. Mặc dù trong nhiều trường hợp (Croatia, Nicaragua, Peru, Slovakia, Serbia) việc lật đổ quan chức cầm quyền dẫn đến quá trình chuyển đổi dân chủ, trong một số trường hợp khác, gồm Albania, Zambia, Ucraina, and Belarus các lãnh đạo mới tiếp tục hoặc thậm chí tăng cường nhiều hoạt động chuyên chế của người tiền nhiệm. Do đó, việc loại bỏ những lãnh đạo chuyên chế tạo ra một *cơ hội* quan trọng cho sự thay đổi chế độ và thậm chí là sự dân chủ hóa, nhưng không bảo đảm cho một kết quả như vậy.

Phạm vi của bài này không bao gồm việc lý giải những thay đổi trong năng lực của các chế độ chuyên chế cạnh tranh để sống sót qua các cuộc khủng hoảng gây ra bởi các thời điểm cạnh tranh dân chủ, tuy nhiên có một điểm đáng lưu ý.¹⁵ Trong những khu vực có quan hệ gần gũi với phương Tây, đặc biệt là Mỹ Latinh và Trung Âu trong giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh, việc loại bỏ giới chức chuyên quyền nhìn chung đều dẫn đến tiến trình dân chủ hóa. Ví dụ như ở châu Mỹ Latinh, bốn trong năm chế độ chuyên chế cạnh tranh (ngoại trừ Haiti) đã tiến hành dân chủ hóa sau năm 1990 (Cộng Hòa Dominica, Mexico, Nicaragua và Peru). Tương tự, trong cùng thời điểm đó bốn trong năm chế độ chuyên chế ở Trung Âu (ngoại trừ Albania) đã tiến hành dân chủ hóa (Croatia, Serbia, Slovakia và Romania). Trái lại, tiến triển của các chế độ chuyên chế cạnh tranh ở châu Phi và Liên Xô cũ rất khác biệt. Trong số các cộng hòa Xô viết cũ, duy nhất một chế độ chuyên chế (Moldova) tiến hành dân chủ hóa trong thập niên 1990.

Kết quả này chỉ ra rằng sự gần gũi với phương Tây có thể là một nhân tố quan trọng định hình hướng đi của các chế độ chuyên chế cạnh tranh trong thập niên 1990. Mỗi liên kết với phương Tây – dưới hình thức ảnh hưởng văn hóa và truyền thông, các mạng lưới giới tinh hoa, các hiệu ứng lan tỏa và áp lực trực tiếp từ phía các chính phủ phương Tây – dường như tăng cái giá phải trả của việc duy trì vững chắc nền chuyên chế, khiến cho tiến trình dân chủ hóa của các chế độ chuyên chế cạnh tranh khả thi hơn. Những nơi có mối liên kết yếu hơn với phương Tây hay những nơi khác, các nước bá quyền phi dân chủ (như Nga hay Trung Quốc) có ảnh hưởng lớn, chế độ chuyên chế cạnh tranh nhiều khả năng hoặc tiếp tục tồn tại hoặc chuyển sang hướng chuyên chế hơn.

Các con đường đi đến chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh

Mặc dù các chế độ chuyên chế cạnh tranh không phải là một hiện tượng gì mới (dẫn chứng lịch sử là nó đã tồn tại ở một vài nơi ở Trung-Đông Âu trong thập niên 1920 và ở Argentina dưới thời Perón từ năm 1946 đến 1955), chúng đã gia tăng rõ rệt trong những năm gần đây. Trong suốt thập niên 1990, chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh nổi lên từ ba con đường hình thành chế độ khác nhau. Một hướng là sự suy tàn của chế độ chuyên chế hoàn toàn. Trong những trường hợp này, các chế độ chuyên chế tồn tại lâu đời bị ép buộc – thường bởi áp lực kết hợp giữa trong nước và quốc tế- hoặc chấp nhận các thể chế dân chủ chính thức hoặc thực sự gia nhập vào các thể chế dân chủ mà trước đó chỉ mang tính hình thức. Tuy nhiên vì sự yếu kém của các phong trào đối lập, các quá trình chuyển đổi không hội đủ điều kiện của nền dân chủ, và các quan chức đã chứng tỏ sự khôn khéo trong việc thao túng hay tuân thủ một cách chọn lọc những luật lệ dân chủ mới. Sự chuyển đổi theo loại này diễn ra ở hầu khắp khu vực hạ Sahara châu Phi, nơi mà khủng hoảng kinh tế và áp lực quốc tế bắt buộc các nhà chuyên quyền lâu đời phải kêu gọi các cuộc bầu cử đa đảng, nhưng ở những nơi nhiều quá trình chuyển đổi không hội đủ điều kiện của dân chủ hóa và nhiều nhà chuyên chế vẫn duy trì quyền lực.

Con đường thứ hai đi đến chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh là sự sụp đổ của một chế độ chuyên chế, tạo ra một chế độ chuyên chế cạnh tranh mới. Trong những trường hợp này, các chế độ bầu cử yếu được tạo ra, ít nhiều được xem như là hệ quả sụp đổ của chủ nghĩa chuyên chế. Mặc dù sự thiếu vắng các truyền thống dân chủ cộng với các xã hội dân sự yếu kém đã tạo cơ hội cho các chính phủ thẳng cử cai trị một cách chuyên chế, nhưng những chính phủ này lại thiếu năng lực để củng cố sự thống trị chuyên chế. Đi theo con đường này là các quốc gia cộng sản

cũ như Armenia, Croatia, Romania, Nga, Serbia và Ucraina cũng như Haiti sau năm 1994.

Con đường thứ ba đi đến chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh là sự tan rã của một chế độ dân chủ. Trong những trường hợp này, các cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị sâu sắc và thường kéo dài triền miên đã tạo ra những điều kiện để các chính phủ thẳng cừ làm xói mòn các thể chế dân chủ - hoặc thông qua một cuộc "tự đảo chính" tổng thống hoặc qua các hành vi lạm quyền có chọn lọc và ngày càng gia tăng – nhưng thiếu quyết tâm hoặc năng lực để triệt để loại bỏ chúng. Điển hình của sự chuyển đổi dạng này có Peru trong đầu những năm 1990 và Venezuela có thể hiện nay.

Nguồn gốc của sự gia tăng mạnh mẽ gần đây nằm ở những khó khăn liên quan đến việc củng cố các chế độ dân chủ và chuyên chế trong giai đoạn ngay sau Chiến tranh Lạnh. Mặc cho tiến bộ toàn cầu của dân chủ ở thập niên 1990 (và sự lạc quan dân chủ được truyền cảm hứng bởi các học giả), hầu hết các chế độ dân chủ trên thế giới vẫn khó khăn để hình thành hay duy trì. Nhiều quá trình chuyển đổi đã diễn ra ở các nước có tỷ lệ đói nghèo, bất bình đẳng và mù chữ cao; nhà nước và các xã hội dân sự yếu kém; bất ổn thể chế; biên giới quốc gia luôn có tranh chấp; và - ở một số nước cộng sản cũ – sự thống trị tiếp diễn của nhà nước đối với nền kinh tế, các thể chế tôn giáo lớn và những lĩnh vực khác của hoạt động xã hội.

Tuy nhiên nếu những triển vọng cho sự dân chủ hoá hoàn toàn vẫn còn ảm đạm ở hầu hết thế giới hậu Chiến tranh Lạnh thì những triển vọng xây dựng và duy trì chủ nghĩa chuyên chế hoàn toàn cũng ảm đạm không kém.¹⁶ Phần lớn, sự thay đổi này là một sản phẩm của môi trường quốc tế hậu Chiến tranh Lạnh. Chiến thắng của chủ nghĩa tự do phương Tây và sự sụp đổ của Liên Xô làm xói mòn tính hợp pháp của các mô hình chế độ thay thế và tạo động lực mạnh mẽ cho các nhà nước ngoại vi chấp nhận các thể chế dân chủ chính thức. Như Andrew Janos đã lập luận, các giai đoạn của bá quyền tự do đặt một "mạng lưới các ràng buộc" lên các chính phủ phi dân chủ đang cố gắng để duy trì sự tôn trọng quốc tế và khả năng tồn tại. Vì vậy, trong suốt giai đoạn ngắn ngủi của bá quyền tự do sau Thế chiến I, các chính phủ chuyên chế ở Trung Âu phải đối mặt với áp lực mạnh mẽ để chấp thuận báo chí bán tự do, sự giám sát thường xuyên của các thành viên nghị viện đối lập, và một cơ quan tư pháp gần như độc lập.¹⁷ Tuy nhiên, khi các nhà nước tự do phương Tây gặp phải thách thức từ các cường quốc chuyên chế chống bá quyền, các "mạng lưới ràng buộc" này thường biến mất. Các cường quốc chống bá quyền cung cấp các nguồn lực thay thế về tính chính danh và hỗ trợ kinh tế và quân sự, do đó làm suy yếu động lực để các giới tinh hoa cầm quyền duy trì các

thể chế dân chủ chính thức. Vì vậy mà sự nổi lên của Đức Quốc xã và nước Nga Xô Viết như những cường quốc khu vực đã góp sức vào sự sụp đổ của các chế độ lai ở Trung Âu trong thập niên 1930, và sức mạnh của Liên Xô đã tạo điều kiện cho sự hình thành các nền chuyên chính theo chủ nghĩa Lenin trên hầu khắp Thế giới Thứ ba trong suốt Chiến tranh Lạnh. Khi các cường quốc phương Tây đương đầu với một đối thủ tranh giành vị trí bá chủ, các nước này nhiều khả năng sẽ chấp nhận các chế độ chuyên quyền nào có thể thực hiện vai trò như những vùng đệm chống lại các địch thủ của mình.

Bá quyền tự do phương Tây trong giai đoạn thập niên 1990 được đánh giá cũng giống như thập niên 1920 nhưng phạm vi rộng hơn. Những ảnh hưởng quốc tế có nhiều hình thức, gồm có các hiệu ứng lan tỏa, tính có điều kiện (như trong trường hợp tư cách thành viên Liên minh châu Âu), áp lực trực tiếp nhà nước-lên-nhà nước (dưới hình thức của các lệnh trừng phạt, ngoại giao hậu trường, và thậm chí là can thiệp quân sự trực tiếp), và các hoạt động của các thể chế và chủ thể xuyên quốc gia mới nổi. Trong bối cảnh mới này, mô hình dân chủ tự do nhận được sự công nhận chưa từng có tiền lệ của giới tinh hoa ở các quốc gia cộng sản cũ và thuộc Thế giới Thứ ba. Quan trọng hơn, việc thiếu đi các nguồn viện trợ kinh tế và quân sự thay thế đã nâng tầm vai trò của việc duy trì mối quan hệ hòa thuận với các thể chế và chính phủ phương Tây. Mặc dù tác động của áp lực quốc tế giữa các vùng (và thậm chí giữa các quốc gia) khác nhau đáng kể, đối với chính phủ ở những quốc gia nghèo hơn và thu nhập trung bình, ích lợi của việc chấp thuận các thể chế dân chủ chính thức – và cái giá của việc công khai duy trì các thể chế chuyên chế – đã tăng lên đáng kể trong thập niên 1990.

Các nhà chuyên quyền tiềm năng và mới nổi cũng đã đương đầu với những rào cản nội địa quan trọng cho sự củng cố các chế độ chuyên chế. Để củng cố một chế độ hoàn toàn đóng, giới tinh hoa chuyên chế phải loại bỏ tất cả các nguồn đối đầu chính thông qua đàn áp có hệ thống hoặc thu nạp các đối thủ tiềm năng. Hoạt động dạng này đòi hỏi cả sự kết hợp của giới tinh hoa và một bộ máy nhà nước hiệu quả và có khả năng tài chính. Việc khan hiếm tài nguyên đã gây khó khăn nhiều hơn cho các nhà lãnh đạo trong việc duy trì các mạng lưới ô dù bảo trợ vốn đã củng cố các cấu trúc nhà nước chuyên chế trước đây. Thêm vào đó, sự kiểm soát phân cấp không chắc chắn đối với các cơ quan đàn áp, làm gia tăng nguy cơ nội chiến và khiến việc củng cố nền thống trị chuyên chế khó khăn hơn. Cuối cùng, trong nhiều chế độ cộng sản cũ sự phân tán kiểm soát nguồn lực kinh tế khác nhau của nhà nước giữa các nhóm khác nhau gây khó khăn cho bất kỳ nhà lãnh đạo nào muốn thiết lập quyền kiểm soát hoàn toàn, tất yếu dẫn đến một hình thức của chế độ đa nguyên.

Nhiều chế độ đã vượt qua được các trở ngại trong và ngoài nước đối với nền cai trị chuyên chế trong thập niên 1990. Một số đã hưởng lợi từ những kẽ hở quy định lỏng lẻo của hệ thống quốc tế, phần nhiều là do các vấn đề kinh tế và an ninh đã lấn át chiến dịch thúc đẩy dân chủ trong các chương trình nghị sự về chính sách đối ngoại của phương Tây. Một số chế độ khác thì hưởng lợi từ việc kiểm soát nhà nước đối với nguồn thu nhập từ các hàng hóa giá trị (chẳng hạn như dầu thô), điều này đã gây trì trệ cho sự phát triển của một xã hội dân sự tự chủ và trao cho các nhà cầm quyền phương tiện để thu nạp các đối thủ tiềm năng, và một số khác tận dụng các mạng lưới của giới tinh hoa bán truyền thống vốn đóng vai trò thúc đẩy sự thành lập các chế độ tân gia trưởng (như ở Trung Á).

Tuy nhiên phần nhiều ở châu Phi, Mỹ Latinh và Đại lục Âu Á hậu cộng sản trong thập niên 1990, các nhà chuyên quyền tiềm năng hay mới nổi đều thiếu những lợi thế này. Áp lực quốc tế kết hợp với sự yếu kém của nhà nước và sự chia rẽ trong giới tinh hoa khiến cho các quan chức nhận ra chi phí cho việc thu nạp hay đàn áp các đối thủ đều quá cao để thực hiện. Kết quả là, thậm chí một số lãnh đạo chuyên chế tối cao cũng không thể loại trừ những vũ trường đấu tranh quan trọng. Nguồn gốc sự yếu kém của chế độ chuyên chế ở các trường hợp đều khác nhau. Ví dụ như ở Albania và Haiti, các nhân tố quốc tế có thể đóng vai trò quyết định trong việc ngăn chặn sự thống trị chuyên chế hoàn toàn. Ở châu Phi, sự eo hẹp nguồn lực do bị chấm dứt nguồn tài trợ trong Chiến tranh Lạnh và điều kiện bị áp đặt bởi các thiết chế tài chính quốc tế khiến cho một số chính quyền quá kém cỏi không thể thu nạp hay đàn áp những thách thức tương đối yếu từ phe đối lập.¹⁸ Trong các quốc gia hậu Liên Xô cũ như Moldova, Nga và Ucraina sự phân tán quyền kiểm soát đối với nhà nước và các nguồn lực kinh tế gây ra cuộc đối đầu chính trị ngay cả ở những nơi xã hội dân sự vẫn còn yếu. Tuy nhiên, điểm chung ở hầu hết các trường hợp này là chế độ đa nguyên và cạnh tranh dân chủ được duy trì vì mong muốn của giới tinh hoa thì ít mà phần nhiều là vì đơn thuần họ không thể tổng khứ chúng.

Vậy nên trong thập niên 1990, các chế độ chuyên chế cạnh tranh có khả năng xuất hiện nhất trong những điều kiện bất lợi cho việc củng cố cả các chế độ chuyên chế và dân chủ. Tất nhiên cần phải lưu ý rằng, những điều kiện như vậy không nhất thiết dẫn đến chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh. Trong một số trường hợp như El Salvador, Mali, và Mông Cổ nền dân chủ có thể phát triển mạnh mẽ bất chấp những điều kiện bất lợi. Trong một số trường hợp khác, sự tan vỡ của nền thống trị chuyên chế có thể kéo theo sự sụp đổ của nhà nước và nội chiến như đã diễn ra ở Liberia, Sierra Leone, và Somalia.

Khái niệm hóa các nền phi dân chủ

Chúng tôi xin kết luận bằng việc lặp lại lời kêu gọi của Thomas Carothers về việc vượt qua cái mà học giả này gọi là “mô hình chuyển đổi”.¹⁹ Rõ ràng những hy vọng ban đầu về sự dân chủ hóa ở hầu khắp trên thế giới là lạc quan thái quá. Nhiều chế độ chuyên chế vẫn tồn tại qua “làn sóng thứ ba” của quá trình dân chủ hóa. Trong những trường hợp khác, sự sụp đổ của một hình thức chủ nghĩa chuyên chế sẽ không hình thành nên nền dân chủ mà là một dạng mới của nền cai trị phi dân chủ. Thật vậy, một thập niên sau khi Liên Xô sụp đổ, đa số các nhà nước độc lập trên thế giới vẫn còn phi dân chủ. Tuy nhiên trong khi có nhiều nghiên cứu về nguyên nhân và hậu quả của quá trình dân chủ hóa, những thể loại mới nổi của chế độ dân chủ và những vấn đề trong củng cố dân chủ đã được biết đến, thì lại có ít nghiên cứu đáng chú ý về sự xuất hiện hay duy trì dai dẳng của các chế độ phi dân chủ.

Bá quyền tự do phương Tây hậu Chiến tranh Lạnh, sự thay đổi kinh tế toàn cầu, sự phát triển của công nghệ truyền thông, sự gia tăng của mạng lưới quốc tế nhằm thúc đẩy dân chủ và nhân quyền, tất cả đã đóng góp cho việc tái định hình những thách thức và cản trở đối với giới tinh hoa chuyên chế. Kết quả là một số hình thức của chủ nghĩa chuyên chế như chủ nghĩa toàn trị, chủ nghĩa chuyên chế quan liêu càng khó khăn để duy trì. Tuy nhiên, đồng thời, trong thập niên 1990 một vài thể loại chế độ phi dân chủ mới (hoặc mới một phần), trong đó có chủ nghĩa chuyên chế cạnh tranh, đã giữ vai trò ngày càng quan trọng hơn. Nhiều hình thức chế độ phi dân chủ khác cũng giành được vai trò quan trọng, gồm có các thể loại chế độ lai khác, chế độ độc tài gia trưởng hậu cộng sản và các trường hợp của các quốc gia bị suy tàn liên miên (“chế độ hỗn loạn” - chaosocracy).²⁰ Việc nghiên cứu về những sản phẩm phi dân chủ này rất quan trọng để có được hiểu biết sâu hơn (thay vì chỉ hy vọng) về những gói lựa chọn mở ra cho các chế độ chuyển đổi hậu Chiến tranh Lạnh.

Chú thích

1. Terry Lynn Karl, “The Hybrid Regimes of Central America,” *Journal of Democracy* 6 (Tháng Bảy năm 1995): 72–87; William Case, “Can the ‘Halfway House’ Stand? Semidemocracy and Elite Theory in Three Southeast Asian Countries,” *Comparative Politics* 28 (Tháng Bảy năm 1996): 437–64; Richard A. Joseph, “Africa, 1990–1997: From *Abertura* to Closure,” *Journal of Democracy* 9 (Tháng Tư năm 1998): 3–17; Larry Diamond, *Developing Democracy: Toward Consolidation* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1999); Fareed Zakaria, “The Rise of Illiberal Democracy,” *Foreign*

- Affairs* 76 (Tháng Mười Một-Mười Hai năm 1997): 22–41; Thomas Carothers, *Aiding Democracy Abroad: The Learning Curve* (Washington, D.C.: Carnegie Endowment for International Peace, 1999); Gordon P. Means, "Soft Authoritarianism in Malaysia and Singapore," *Journal of Democracy* 7 (Tháng Mười năm 1996): 103–17; Andreas Schedler, "Mexico's Victory: The Democratic Revelation," *Journal of Democracy* 11 (Tháng Mười năm 2000): 5–19; và M. Steven Fish, "Authoritarianism Despite Elections: Russia in Light of Democratic Theory and Practice," bài báo cáo được chuẩn bị trình bày tại Hội nghị Thường niên của Hiệp hội Khoa học Chính trị Hoa Kỳ năm 2001, tại San Francisco, ngày 30 Tháng Tám – ngày 2 Tháng Chín năm 2001.
2. Xem David Collier và Steven Levitsky, "Democracy with Adjectives: Conceptual Innovation in Comparative Research," *World Politics* 49 (Tháng Tư năm 1997): 430–51.
 3. Xem Jeffrey Herbst, "Political Liberalization in Africa after Ten Years," *Comparative Politics* 33 (Tháng Tư năm 2001): 357–75; Thomas Carothers, "The End of the Transition Paradigm," *Journal of Democracy* 13 (Tháng Một năm 2002): 5–21.
 4. Juan J. Linz, *Totalitarian and Authoritarian Regimes* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 2000), 34.
 5. Xem Scott Mainwaring, Daniel Brinks, và Aníbal Pérez Linan, "Classifying Political Regimes in Latin America, 1945–1999," *Studies in Comparative International Development* 36 (Spring 2001). Định nghĩa này phù hợp với cái mà Larry Diamond gọi là những khái niệm "tầm trung" của dân chủ (Larry Diamond, *Developing Democracy*, 13–15).
 6. Rõ ràng rất khó để phân định đâu là cột mốc chính xác để những vi phạm quyền công dân và quyền chính trị bắt đầu thay đổi cơ bản sâu chơi và vấn đề này vẫn còn đang gây tranh luận. Tuy nhiên, việc phân định những trường hợp không rõ ràng là khó khăn chung trong việc khái niệm hóa các chế độ.
 7. Guillermo O'Donnell, "Delegative Democracy," *Journal of Democracy* 5 (Tháng Một năm 1994): 55–69.
 8. Larry Diamond, *Developing Democracy*, 15–16; Richard Joseph, "Africa, 1990–1997"; Jason Brownlee, "Double Edged Institutions: Electoral Authoritarianism in Egypt" Steven Levitsky and Lucan A. Way and Iran," bài báo cáo được chuẩn bị trình bày tại Hội nghị Thường niên của Hiệp hội Khoa học Chính trị Hoa Kỳ năm 2001, tại San Francisco, ngày 30 Tháng Tám – ngày 2 Tháng Chín năm 2001.
 9. Philip G. Roeder, "Varieties of Post-Soviet Authoritarian Regimes," *Post-Soviet Affairs* 10 (Tháng Một-Tháng Ba năm 1994): 61–101.
 10. Ở Kenya, các đội ám sát do chính phủ hỗ trợ chịu trách nhiệm về bạo lực quy mô lớn, đặc biệt là ở các khu vực dân tộc thiểu số. Xem Joel Barkan and Njuguna Ng'ethe, "Kenya Tries Again," in Larry Diamond and Marc F. Plattner, eds., *Democratization in Africa* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1999), 185. Tình trạng bạo lực tràn

- lan chống lại các lực lượng đối lập cũng diễn ra tại Serbia và Zimbabwe trong thập niên 1990.
11. Xem Keith Darden, "Blackmail as a Tool of State Domination: Ukraine Under Kuchma," *East European Constitutional Review* 10 (Spring–Summer 2001): 67–71.
 12. *The Economist*, 14 July 2001, 37.
 13. H. Kwasi Prempeh, "A New Jurisprudence for Africa," *Journal of Democracy* 10 (Tháng Bảy năm 1999): 138; Nebojsa Bjelakovic and Sava Tatic, "Croatia: Another Year of Bleak Continuities," *Transitions-on-Line*, <http://archive.tol.cz/countries/croar97.html> (1997). Mikhail Diloyen, "Journalists Fall through the Legal Cracks in Armenia," *Eurasia Insight* (Tháng Sáu năm 2000).
 14. Những tình thế lưỡng này được trình bày rõ ràng trong Andreas Schedler, "The Nested Game of Democratization by Elections," *International Political Science Review* 23 (Tháng Mười Một năm 2002).
 15. Để tiếp cận cách giải thích nâng cao hơn, xem Steven Levitsky and Lucan A. Way, "Competitive Authoritarianism: Hybrid Regime Change in Peru and Ukraine in Comparative Perspective," *Studies in Public Policy Working Paper No. 355* (Glasgow: University of Strathclyde Center for the Study of Public Policy, 2001).
 16. Bàn về những cản trở cho chủ nghĩa chuyên chế trong Liên Xô cũ, xem see Philip G. Roeder, "The Rejection of Authoritarianism," in Richard Anderson, M. Stephen Fish, Stephen E. Hanson, and Philip G. Roeder, *Postcommunism and the Theory of Democracy* (Princeton: Princeton University Press, 2001).
 17. Andrew Janos, *East Central Europe in the Modern World: The Politics of Borderlands From Pre- to Postcommunism* (Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2000), 97–99.
 18. Michael Bratton and Nicolas van de Walle, *Democratic Experiments in Africa: Regime Transitions in Comparative Perspective* (New York: Cambridge University Press, 1997), 100.
 19. Thomas Carothers, "The End of the Transition Paradigm."
 20. Xem Richard Snyder, "Does Lootable Wealth Breed Disorder? States, Regimes, and the Political Economy of Extraction," bài báo cáo được chuẩn bị trình bày tại Hội nghị Thường niên của Hiệp hội Khoa học Chính trị Hoa Kỳ năm 2001, tại San Francisco, ngày 30 Tháng Tám – ngày 2 Tháng Chín năm 2001. Xem thêm Juan J. Linz, *Totalitarian and Authoritarian Regimes*, 37.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com